Vốn đầu tư phát triển toàn xã hội thực hiện theo giá hiện hành

Đơn vị tính: *Nghìn tỷ đồng*

	Thực hiện 9 tháng năm 2016	Ước tính quý IV năm 2016	Ước tính năm 2016	Năm 2016 so với năm 2015 (%)
TỔNG SỐ	**998,4**	**486,7**	**1485,1**	**108,7**
Vốn đầu tư thuộc ngân sách Nhà nước	180,3	88,3	268,6	115,1
Vốn trái phiếu Chính phủ	26,1	11,5	37,6	66,2
Vốn tín dụng đầu tư theo kế hoạch NN	46,4	21,3	67,7	110,6
Vốn vay từ các nguồn khác (của khu vực Nhà nước)	60,7	32,0	92,7	111,7
Vốn đầu tư của doanh nghiệp Nhà nước (Vốn tự có)	48,5	21,4	69,9	107,5
Vốn đầu tư của dân cư và tư nhân	387,7	192,0	579,7	109,7
Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài	235,5	112,4	347,9	109,4
Vốn huy động khác	13,2	7,8	21,0	102,4